

Số tham chiếu: 61069868/22120288

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu
Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Chi nhánh"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Chi nhánh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Chi nhánh theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Chi nhánh xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Chi nhánh có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Chi nhánh liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Chi nhánh. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Chi nhánh cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Các số liệu trình bày bằng đồng Việt Nam trong báo cáo tài chính kèm theo được quy đổi dựa trên cơ sở được trình bày trong *Thuyết minh số 2.3* chỉ cho mục đích sử dụng nội bộ của Chi nhánh và nộp cho các cơ quan chức năng theo các quy định hiện hành.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1



Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3211-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02/TCTD

	Thuyết minh	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
		Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi	Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi
TÀI SẢN					
Tiền mặt	5	332.873	7.688	506.037	11.725
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	48.238.664	1.114.072	42.066.668	974.685
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác		533.320.333	12.317.033	423.897.078	9.821.695
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	510.238.278	11.783.953	423.048.617	9.802.036
Cho vay các TCTD khác	7.2	23.134.465	534.290	863.185	20.000
Dự phòng rủi ro tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	7.4	(52.410)	(1.210)	(14.724)	(341)
Cho vay khách hàng		384.475.456	8.879.461	270.389.856	6.264.933
Cho vay khách hàng	8	385.990.507	8.914.451	274.241.041	6.354.165
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(1.515.051)	(34.990)	(3.851.185)	(89.232)
Chứng khoán đầu tư	10	4.445.808	102.676	2.150.428	49.825
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		4.464.549	103.109	2.159.739	50.041
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(18.741)	(433)	(9.311)	(216)
Tài sản cố định		275.636	6.367	305.427	7.077
Tài sản cố định hữu hình	11.1	244.400	5.645	297.206	6.887
Nguyên giá tài sản cố định		839.687	19.393	811.293	18.798
Khấu hao tài sản cố định		(595.287)	(13.748)	(514.087)	(11.911)
Tài sản cố định vô hình	11.2	31.236	722	8.221	190
Nguyên giá tài sản cố định		61.250	1.415	33.203	769
Hao mòn tài sản cố định		(30.014)	(693)	(24.982)	(579)
Tài sản Có khác		1.823.157	42.106	2.337.751	54.166
Các khoản phải thu	12.1	648.199	14.970	663.337	15.370
Các khoản lãi và phí phải thu	12.2	1.067.447	24.653	1.560.715	36.162
Tài sản Có khác	12.3	107.511	2.483	113.699	2.634
TỔNG TÀI SẢN		972.911.927	22.469.403	741.653.245	17.184.106

Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02/TCTD

Thuyết minh	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm		
	Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi	Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi	
NỢ PHẢI TRẢ					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	13	237.753.833	5.490.925	117.836.088	2.730.262
Tiền gửi của các TCTD khác		147.753.833	3.412.375	27.836.088	644.962
Vay các TCTD khác		90.000.000	2.078.550	90.000.000	2.085.300
Tiền gửi của khách hàng	14	489.342.586	11.301.367	389.516.704	9.025.102
Các khoản nợ phải trả khác		5.911.728	136.533	7.632.478	176.845
Các khoản lãi và phí phải trả	15.1	590.491	13.638	1.062.359	24.615
Các khoản phải trả và công nợ khác	15.2	5.116.482	118.166	5.254.567	121.749
Dự phòng rủi ro các cam kết ngoại bảng	26	204.755	4.729	1.315.552	30.481
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		733.008.147	16.928.825	514.985.270	11.932.209
VỐN CHỦ SỞ HỮU					
Vốn góp	17	180.000.000	3.744.945	180.000.000	3.744.945
Các quỹ dự trữ	17	10.645.264	245.619	8.659.894	199.520
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	412.633	-	431.275
Lợi nhuận chưa phân phối	17	49.258.516	1.137.381	38.008.081	876.157
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		239.903.780	5.540.578	226.667.975	5.251.897
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		972.911.927	22.469.403	741.653.245	17.184.106

Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02/TCTD

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thuyết minh		Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
		Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi	Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi
Các cam kết tài trợ thương mại	26	95.198.159	2.198.602	79.632.535	1.845.086
Bảo lãnh		57.021.210	1.316.905	60.511.337	1.402.048
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		38.176.949	881.697	19.121.198	443.038
Cam kết cho vay có thể hủy ngang	26	289.162.897	6.678.217	198.115.671	4.590.340
		384.361.056	8.876.819	277.748.206	6.435.426

Người lập:



Bà Giang Mỹ Sậy
Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Xu Xiao Fei
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Zhang Wei
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03/TCTD

Thuyết minh		Năm nay		Năm trước	
		Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi	Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	18	18.489.500	429.308	24.867.883	577.333
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	19	(3.352.046)	(77.831)	(4.910.807)	(114.009)
Thu nhập lãi thuần		15.137.454	351.477	19.957.076	463.324
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		2.567.631	59.618	2.036.555	47.281
Chi phí hoạt động dịch vụ		(286.097)	(6.643)	(394.441)	(9.157)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	20	2.281.534	52.975	1.642.114	38.124
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	21	3.360.667	78.031	3.222.629	74.817
(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	10	(9.400)	(218)	39.903	926
Lãi thuần từ hoạt động khác		-	-	255	6
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		20.770.255	482.265	24.861.977	577.197
Chi phí nhân viên		(5.318.157)	(123.482)	(5.280.404)	(122.590)
Chi phí khấu hao		(86.232)	(2.002)	(63.343)	(1.469)
Chi phí hoạt động khác		(2.215.816)	(51.449)	(2.398.839)	(55.691)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	22	(7.620.205)	(176.933)	(7.742.586)	(179.750)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		13.150.050	305.332	17.119.391	397.447
Hoàn nhập/(Trích lập) chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9	3.415.555	79.305	(3.210.898)	(74.544)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		16.565.605	384.637	13.908.493	322.903
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16	(3.329.800)	(77.314)	(2.881.186)	(66.890)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		13.235.805	307.323	11.027.307	256.013

Người lập:



Bà Giang Mỹ Sậy
Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Xu Xiao Fei
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Zhang Wei
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B04/TCTD

Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
	Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi	Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	19.175.628	445.239	25.444.293	590.715
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(3.823.914)	(88.787)	(4.093.943)	(95.045)
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	2.296.830	53.330	1.368.138	31.763
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, ngoại tệ	3.368.683	78.217	3.216.731	74.680
Thu nhập khác	-	-	255	6
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(7.301.393)	(169.531)	(7.651.627)	(177.640)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(3.347.440)	(77.724)	(3.101.262)	(71.999)
16				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động	10.368.394	240.744	15.182.585	352.480
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
Tăng các khoản cho vay các TCTD khác	(22.271.280)	(517.117)	(863.185)	(20.040)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(2.428.258)	(56.382)	-	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(111.749.466)	(2.594.711)	(98.474.432)	(2.286.182)
Tăng khác về tài sản hoạt động	(12.028)	(279)	(102.824)	(2.387)
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
Tăng các khoản tiền gửi của và tiền vay các TCTD khác	119.917.745	2.784.370	90.427.340	2.099.361
Tăng tiền gửi của khách hàng (Giảm)/Tăng khác về công nợ hoạt động	99.825.882	2.317.857	53.584.349	1.244.014
	(406.055)	(9.428)	2.592.422	60.186
Lưu chuyển tiền thuần từ vào hoạt động kinh doanh	93.244.934	2.165.054	62.346.255	1.447.432
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Mua sắm tài sản cố định	(56.441)	(1.311)	(111.481)	(2.588)
11				
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(56.441)	(1.311)	(111.481)	(2.588)

Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B04/TCTD

<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>		<i>Năm trước</i>	
	<i>Đô la Mỹ</i>	<i>Triệu đồng quy đổi</i>	<i>Đô la Mỹ</i>	<i>Triệu đồng quy đổi</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-	80.000.000	1.854.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-	80.000.000	1.854.400
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	93.188.493	2.163.743	142.234.774	3.299.244
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	23 465.621.322	10.788.446	323.386.548	7.496.100
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(46.476)	-	(6.898)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	23 558.809.815	12.905.713	465.621.322	10.788.446

Người lập:



Bà Giang Mỹ Sậy
Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Xu Xiao Fei
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Zhang Wei
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021